Tạp chí Kinh tế và Dự báo
Economy & Forecast Review Online
VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

e-ISSN: 2734-9365

Suy ngẫm về chữ nghiên cứu 研究

07:51 | 27/12/2021

EFR Chữ nghiên cứu đọc lên hẳn nhiên đã có cảm nhận là âm Hán-Việt. Ngoài ra, do nhận thấy đa phần các ý niệm học thuật cũng như ngôn từ của học giới từ xa xưa đã hay sử dụng những từ có nguồn gốc chữ Hán, nên tôi tò mò tìm hiểu về chữ "nghiên cứu", để xem nó có hình dạng cấu tạo và chứa đựng ý nghĩa gì.

Chữ Hán hiện đại nó được viết như sau: 研究 (phiên âm: yán jiū [1])

Chữ "nghiên cứu" trong tiếng Việt được hiểu là việc nghiền ngẫm tìm tòi đến chỗ sâu xa (của sự vật, hiện tượng, thế giới...). Tất nhiên đây là cách nói ngắn gọn, kiểu giải nghĩa từ điển với ý nghĩa thông dụng. Còn học giới có thể tùy từng ngành, hay theo trường phái, mà sẽ có cách hiểu khác đi trên phương diện ngữ nghĩa.

Tuy vậy, dù có khác nhau thế nào thì về cơ bản, khái niệm nghiên cứu cũng chứa đựng những ý nghĩa chính:

1. Thâm nhập, dùi mài và xem xét đến tận cùng nghĩa lí.

2. Bàn bạc, thảo luận, tranh biện.

3. Tìm hiểu sâu sắc, kỹ càng.

(Điều thú vị chính là ta đang "nghiên cứu" về chính cái chữ "nghiên cứu", dù là ở mức độ rất sơ đẳng).

Bây giờ, thử nhìn vào bên trong cấu tạo của cả hai chữ và cấu tạo của từng chữ hợp thành. Chúng ta thấy xuất hiện các thành phần sau.

Vương Quân Hoàng

Chữ "nghiên cứu" luận tưởng là đã đến cùng, tận, nhưng vẫn chưa phải. Bao trùm lên các thành phần cấu tạo hẳn là gì đó lớn vượt lên phép cộng các thành phần.

Trước tiên là chữ "nghiên" 研

Chữ này được hợp thành bởi 2 phần, nửa đầu là chữ thạch (石) mà thể dạng Kim văn trông như hình dưới đây:[1]

Nó có nghĩa nổi bật và thông dụng nhất là "đá".

Và chữ thứ hai là "khai"(开), vốn có lối viết Chiến Quốc văn tự 開. Chữ này có ý nghĩa phổ biến nhất là mở (khai thông, khai quốc công thần) và cả nở (hoa nở: mãn khai) như trong bài kệ *Cáo Tật Thị Chúng* của Mãn Giác Thiền Sư (1052–1096):

春去百花落，

春到百花開。

Xuân khứ bách hoa lạc,

Xuân đáo bách hoa khai.[2]

Chữ "khai" có kiểu viết Chiến Quốc văn tự rất đẹp như trong hình dưới đây.

Ta có thể cảm nhận, việc ghép này mang một trong hai ý nghĩa sau, hoặc cả hai. Thứ nhất là nghĩa dễ hiểu: khai mở xuyên qua đá (thứ rất cứng, khó khăn, vất vả). Thứ hai, dùng thứ cứng như đá để mở lối (giả sử đó là "ý chí sắt đá", như ta vẫn hay nói trong tiếng Việt). Và nhìn đi nhìn lại thì dường như gộp cả hai ý nghĩa này cùng lúc cũng không gây ra xung đột gì.

Khi ghép cả hai lại thành chữ "nghiên" thì nó có ý nghĩa "nghiền, mài, tìm tòi". Nhà nghiên cứu Hoàng Tuấn Công qua trao đổi cũng nêu rõ chữ nghiên này trực tiếp liên quan tới ý nghĩa "nghiên mực", nghiền và mài mực.

Sự dịch qua chuyển lại của ngữ nghĩa liên quan khiến tôi có cảm giác còn thích thú hơn vì khi suy nghĩ gì kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều lắm, thì cũng hay gọi là "nghiền ngẫm".

Như thế, chữ "nghiên" này được hiểu là sự tìm tòi kỹ lưỡng, một công việc khó khăn như phá đá mở núi (khai sơn phá thạch), có thể phải có vũ khí suy tư, ý chí vững vàng như đá để giúp phá toang bóng đêm (sự ngu tối?!). Đồng thời, nó đòi hỏi nghiền ngẫm, dùi mài với nghiệp bút nghiên (viết lách).

Tiếp đến là chữ "cứu" 究

Chữ "cứu" (**究**) có cấu tạo hai phần, sắp trật tự trên và dưới, khác với chữ "nghiên" **研**, ghép ngang trái-phải. Ở phía trên là chữ "huyệt" (**穴**), có ý nghĩa là cái hang, hố. Chữ viết kiểu Chiến quốc văn tự của nó rất đẹp:

Và phía dưới là chữ "cửu" (**九**), mang nghĩa phổ biến là số 9, lớn, tận cùng, ví dụ, sâu thăm thẳm hay cao vời vợi, hay khi nói một lời chắc chắn, vẫn thường nghe "nhất ngôn cửu đỉnh". Trong hình dưới là cách viết chữ "cửu" theo lối Giáp cốt văn.[3]

Qua trao đổi, nhà nghiên cứu Hoàng Tuấn Công phân tích cho thấy rằng, với chữ "cứu" thì chứa đựng cả hình, âm và nghĩa. Nghĩa trở nên rõ hơn khi được ghép lại. Sự sắp đặt này ám chỉ sự đào sâu tới tận cùng, suy xét hết sức tỉ mỉ, rốt ráo. Ngay trong tiếng Việt hiện nay, chữ "cứu" cũng còn hay thấy xuất hiện trong những từ khác có liên quan gần gũi tới công việc nghiên cứu, chẳng hạn như từ "khảo cứu" (**考究**).

Tới lúc ghép hai chữ lại

研究

Sau hai phần bóc tách ý nghĩa ở trên, ta sẽ tiếp cận với một ý niệm về nghiên cứu sâu sắc hơn hẳn so với khi nghĩ thoáng qua. Ý nghĩa đó chính là một công việc, hoạt động tìm tòi, suy nghĩ về thế giới, hiện tượng sự vật. Công việc này khó khăn, cần ý chí để vượt qua những thách thức, để có thể tìm đến độ sâu tận cùng, tỉ mỉ, rốt ráo nhất. Kết cục của công việc này có thể chứa đựng cả ý nghĩa cứu cánh.

Rõ ràng, ý nghĩa về sự sẵn sàng vượt khó, mức độ bền bỉ, đào xới, tỉ mỉ, v.v.. là những tính cách đòi hỏi ở công việc nghiên cứu, như chúng ta vẫn biết. Ý nghĩa này khá gần gũi với khuôn khổ nhận thức "3D creativity" [4]. Rõ ràng trên nhiều khía cạnh, chữ nghiên cứu như vừa phân tích rất tương đồng với ý nghĩa ***research*** (Anh) hay ***recherche*** (Pháp), nhưng hình tượng, lối đặt để và triết lý rất sâu.

Ngoài ra, còn một điểm lý thú cần phải nói nốt: Thế nào thì được gọi là "rốt ráo"?

Trong cuộc sống bình thường, nói tới chữ này thì ta hình dung là làm tới hoàn thành thì mới dừng lại. Ví dụ, ta đóng một chiếc ghế, hay nấu một bữa cơm, thì chiếc ghế phải xong sử dụng được, và bữa cơm phải hoàn thành, sẵn sàng mời mọi người ăn. Thế là rốt ráo. Nhưng trong nghiên cứu thì khác. Sâu rồi lại sâu nữa, cao rồi sẽ còn cao hơn nữa, như sự tìm hiểu

thế giới vi mô của vật chất, hay sự vươn ra tìm hiểu sự bao la của vũ trụ, v.v..

Quả là rất khó để biết ở đâu là tận cùng, rốt ráo. Vì thế, một phẩm chất quan trọng (cũng là kết quả) là buộc phải luôn tò mò để tìm kiếm và phát hiện. Nói về người phá đá mở núi, không hiếm khi người ta bắt gặp đá quý. Điều này cũng tương tự với những người đào sâu và phát hiện thấy kim cương. Với kỷ luật lao động ấy, những người thợ tận tâm ắt sẽ bắt gặp thứ quý hiếm ở nơi hoàn toàn không tính đến, và với giá trị khó mà biết trước, vào lúc chẳng thể đoán định. Điều này cũng thường xảy ra trong các phát hiện nghiên cứu khoa học, với tên gọi ***serendipity*** [5].

Ý tại ngôn ngoại

Để thay cho lời kết, xin mượn lối nói ý tại ngôn ngoại. Chữ "nghiên cứu" luận tưởng là đã đến cùng, tận, nhưng vẫn chưa phải. Bao trùm lên các thành phần cấu tạo hẳn là gì đó lớn vượt lên phép cộng các thành phần. Thử mạo muội trình bày như sau.

Thứ nhất, đã khai mở, chấp nhận gian truân, thì đi tiếp, bước tiếp. Sâu, sâu đến tận cùng. Cao, cao tới trời xanh. Tới tận cùng cũng là nơi đất trời giao hòa. Chẳng phải vì lẽ này mà rồi Gödel, Escher và Bach cũng gặp nhau trong tác phẩm trứ danh của Hofstadter [6] hay sao?

Thứ hai, công việc nghiên cứu thực thụ có tính chất mở đường, dẫn lối. Hiển nhiên cái tính chất ấy sẽ hàm chứa khó khăn, thử thách, thất bại. Chẳng phải thế mà tận, cùng có thể hình dung bên ngoài ý nghĩa thông thường là khó khăn tới cùng cực, để có lúc đạt được khám phá cao đẹp vời vợi hay sao? Hay nói như đại văn hào Lỗ Tấn: "Kỳ thực trên mặt đất này làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường đấy thôi". Và như ta cũng biết, chữ "khai đạo" (開導) chính là mang ý nghĩa mở lối.

* * *

*** Lời cảm ơn:**

Tôi (Vương Quân Hoàng) xin chân thành cảm ơn phân tích rất chu đáo, rõ ràng, cũng như góp ý vừa bổ ích vừa lý thú của anh Hoàng Tuấn Công, nhất là với chữ "cứu". Nhà nghiên cứu Hoàng Tuấn Công đã xuất bản một cuốn khảo cứu ngôn ngữ rất giá trị năm 2017 [7]. Những kiến giải nói trên hoàn toàn dựa trên vốn liếng cá nhân hạn hẹp, nên hoàn toàn có thể có những sai sót hay nhầm lẫn. Vì thế, mặc dù nhận được sự chỉ dẫn của anh Hoàng Tuấn Công, bất kỳ sai sót gì đều thuộc về trách nhiệm cá nhân mà thôi. Ngẫm thấy sự thú vị sâu xa, nên tôi cứ mạnh dạn ghi lại, mong được các cao nhân chỉ giáo thêm để được đại khai nhãn giới.

Tài liệu tham khảo:

[1] Hanzii. (n.d.). 研究. https://hanzii.net/search/word/研究

[2] Wikipedia. (n.d.) Kim văn. https://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_văn

[3] Wikipedia. (n.d.). Giáp cốt văn. https://vi.wikipedia.org/wiki/Giáp_cốt_văn

[4] Vuong, Q. H., & Napier, N. K. (2014). Making creativity: the value of multiple filters in the innovation process. *International Journal of Transitions and Innovation Systems*, 3(4), 294-327.

[5] Napier, N. K., & Vuong, Q. H. (2013). Serendipity as a strategic advantage?. In: Wilkinson (ed.) *Strategic Management in the 21st Century* (pp. 175-199). Westport, CT: Praeger.

[6] Hofstadter, D. R. (1979). Gödel, Escher, Bach: *An Eternal Golden Braid.* New York, NY: Basic Books.

[7] Công, H. T. (2017). *Từ điển tiếng Việt của GS Nguyễn Lân: Phê bình và khảo cứu.* NXB Hội Nhà văn.

Vương Quân Hoàng

URL: https://kinhtevadubao.vn/suy-ngam-ve-chu-nghien-cuu-20733.html

© Kinh tế và Dự báo - Bộ Kế hoạch và Đầu tư